

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH MÊ LINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH MÊ LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ME LINH BUSINESS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MELINHBIZ .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108308625

3. Ngày thành lập: 05/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Phổ Yên, Xã Tiền Phong, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 73066262

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng Bán buôn thực phẩm	4632
2.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
3.	Bốc xếp hàng hóa	5224
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá, dịch vụ liên quan tới hậu cần; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển Dịch vụ logistics: (Không bao gồm Dịch vụ vận tải hàng không)	5229
6.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính chi tiết: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
7.	Cổng thông tin	6312

8.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu chi tiết: - Dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (trừ các thông tin Nhà nước cấm);	6329
9.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
10.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
12.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch; ...	4932
13.	Xây dựng nhà các loại	4100
14.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
15.	Phá dỡ	4311
16.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí., thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
18.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
19.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: hoạt động trang trí nội thất Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;	7410
20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà, Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao, Xây dựng bể bơi ngoài trời;	4390
21.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
22.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
23.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

24.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4791
25.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
26.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
27.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4530
29.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310
30.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
31.	Sao chép bản ghi các loại	1820
32.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
34.	Cho thuê xe có động cơ	7710
35.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) Động cơ, + Dụng cụ máy, + Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, + Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, Thiết bị đo lường và điều khiển, + Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học	7730
36.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
37.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan chi tiết: Cho thuê trang Web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng thiết bị mainframe	6311
38.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ ứng dụng viễn thông Hoạt động của các điểm truy cập internet Đại lý dịch vụ viễn thông Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng Dịch vụ trò chơi trực tuyến Dịch vụ truy nhập Internet	6190
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./	8299
40.	In ấn	1811
41.	Xây dựng công trình công ích	4220

42.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Xây dựng công trình công nghiệp như: Các nhà máy lọc dầu, Các xưởng hoá chất, Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, Đập và đê, Xây dựng đường hầm, Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
43.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ;	6492
44.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513
45.	Hoạt động chiếu phim	5914
46.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
48.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
49.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh karaoke, vũ trường)	5630
50.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
51.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
52.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng) Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
55.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
56.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
57.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
58.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
59.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

60.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
61.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
62.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
63.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
64.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
65.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, role, cầu dao, cầu chì,...) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4659(Chính)
67.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
68.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
69.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
70.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
71.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
72.	Hoạt động hậu kỳ (không bao gồm hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video).	5912
73.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ Hoạt động của phóng viên ảnh, báo chí)	7420

74.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
75.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
76.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
77.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
78.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
79.	Lập trình máy vi tính	6201
80.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
81.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự);	4312

82.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội – ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện – cơ điện công trình; - Thiết kế cấp – thoát nước; - Thiết kế thông gió – cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin – liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế phòng cháy – chữa cháy. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng: a) Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; b) Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; c) Đo bóc khối lượng; d) Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; đ) Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; e) Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; g) Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Khảo sát xây dựng; - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng. - tư vấn đấu thầu 1. Khảo sát địa hình. 2. Khảo sát địa chất công trình. 3. Khảo sát địa chất thủy văn. 4. Khảo sát hiện trạng công trình. - tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy	7110
83.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
84.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
85.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4662

86.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐĂNG	P 115 Khu Tập Thể Xí Nghiệp Liên Hiệp Bê Tông , Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	40,000	001081000569	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	40,000		
2	NGUYỄN DUY LAI	Thôn Do Hạ, Xã Tiên Phong, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	013368754	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000		
3	ĐẶNG DUY GIANG	Xóm Đường, thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	001081005114	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	--	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐĂNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 11/07/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001081000569

Ngày cấp: 15/05/2013

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P 115 Khu Tập Thể Xí Nghiệp Liên Hiệp Bê Tông ,
Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Cầu, thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà
Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội